TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 136/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2019
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai

2. Ông Đỗ Trọng Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 396/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Thúy H, sinh năm 1982; (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp B1, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành L sinh năm 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp B1, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2019 và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Bùi Thị Thúy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thúy H và ông Nguyễn Thành L do quen biết nhau và hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho

đến nay. Nguyên nhân do ông L thường xuyên hỏi bà đi đâu làm gì dẫn đến tâm lý bà mệt mỏi và không cảm thấy tự do, mất niềm tin. Mặc dù bà nói với ông L nhiều lần nhưng ông L vẫn không sửa đổi. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về quan hệ con chung: Bà H và ông L có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 05/11/2000; Nguyễn Thành Kh sinh ngày 04/3/2006 và Nguyễn Tuyết L1, sinh ngày 11/3/2017. Đối với cháu H1, nay đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu L1 và cháu Kh bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

* Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Thành L không đến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H.

- *Tại phiên tòa*:

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành L về con chung tên Nguyễn Thị Thúy H1, Nguyễn Thành Kh và Nguyễn Tuyết L1. Riêng đối với cháu H1, hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu L1 và cháu Kh bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H xác định không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ông Nguyễn Thành L vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Bùi Thị Thúy H với ông Nguyễn Thành L là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố LX theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành L.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thúy H với ông Nguyễn Thành L kết hôn lần thứ nhất, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng bà H và ông L phát sinh mâu thuẫn, bà H xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Bà H trình bày, giữa bà với ông L về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống chung bà H và ông L đã có phát sinh mâu thuẫn một thời gian dài và ngày càng trầm trọng do thường xuyên ông L hỏi bà Hđi đâu làm gì dẫn đến tâm lý bà mệt mỏi nhiều năm và không cảm thấy tự do. Bà thường xuyên nói với ông L nhiều lần nhưng ông L vẫn không sửa đổi, thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp và không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có giải thích cho bà H để tạo điều kiện cho ông L hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà Hvẫn kiên quyết xin ly hôn với ông L. Riêng ông L mặc dù biết bà H xin ly hôn nhưng vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu của bà H cho thấy ông L không có quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với bà H. Do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

[4] Ông Nguyễn Thành L không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà, cũng không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn. Tại phiên tòa bà H vẫn kiên quyết ly hôn vì đã chịu đựng thời gian qua. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông L trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của bà H và ông L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục di trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Thúy H.

[5] Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Thúy H và ông Nguyễn Thành L có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 05/11/2000; Nguyễn Thành Kh sinh ngày 04/3/2006 và Nguyễn Tuyết L1, sinh ngày 11/3/2017, lời khai của bà H phù hợp với giấy khai sinh số 329, quyển số 2/2000 ngày 22/11/2000; giấy khai sinh số 122, quyển số 01 ngày 28/3/2006; giấy trích lục khai sinh số 91/TLKS-BS ngày 12/5/2017. Do thời gian qua bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Kh và cháu L1 và biên bản ghi ý kiến của cháu Kh thì nguyện vọng của cháu Kh muốn sống với mẹ nên xét về quyền lợi mọi mặt của con và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho cháu Kh và cháu L1. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thành Kh sinh ngày 04/3/2006 và Nguyễn Tuyết L1, sinh ngày 11/3/2017 cho bà Bùi Thị Thúy H được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật.

Riêng cháu Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 05/11/2000, hiện nay cháu đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị Thúy H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do ông L không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này khi nào các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 8 và Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thúy H ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Thúy H với ông Nguyễn Thành L có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 05/11/2000; Nguyễn Thành Kh sinh ngày 04/3/2006 và Nguyễn Tuyết L1, sinh ngày 11/3/2017.

Bà Bùi Thị Thúy H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung Nguyễn Thành Kh sinh ngày 04/3/2006 và Nguyễn Tuyết L1, sinh ngày 11/3/2017.

Riêng cháu Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 05/11/2000, đã thành niên. Không xem xét.

Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà H biết: Bà cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ltrong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.Việc nuôi con không cố định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Bùi Thị Thúy H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004251, ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Thành L được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.LX;
- Chi cục THADS Tp.LX;
- UBND xã M, Tp.LX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyền